

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIỒNG TRÔM
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 48/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 13-7-2020

V/v: “ ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG TRÔM, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Kim Trường Sơn.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Văn Cảnh.

2. Bà Trần Ngọc Diệu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Như Thắm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Duyên Em – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 7 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 148/2020/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2020 về việc “ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 67/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Phạm Thị Ngọc L, sinh năm 1992 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp C, xã H, huyện G, tỉnh Bến Tre.

2. *Bị đơn:* Ông Lê Văn C, sinh năm 1987 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp S, xã S, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 27/4/2020, bản tự khai, biên bản hòa giải, các tài liệu, chứng cứ cung cấp cho Tòa án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Phạm Thị Ngọc L trình bày:

Về hôn nhân: Bà Phạm Thị Ngọc L và ông Lê Văn C tự nguyện kết hôn vào năm 2013, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện G, tỉnh Bến Tre và được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn vào ngày 09/12/2013. Quá trình vợ chồng sống chung hạnh phúc thời gian đầu đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường xuyên cãi nhau do ông C hay ghen tuông nên có lời nói xúc phạm bà L; bà L nhiều lần khuyên nhưng ông C không thay đổi. Nay bà L xác định tình cảm vợ chồng không còn với ông C nên bà L làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà L được ly hôn với ông C.

Tại bản tự khai, biên bản hòa giải, các tài liệu, chứng cứ cung cấp cho Tòa án và tại phiên tòa bị đơn ông Lê Văn C trình bày:

Ông Lê Văn C thống nhất với phần trình bày của bà Phạm Thị Ngọc L về thời gian kết hôn, điều kiện kết hôn và nơi kết hôn. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc thời gian đầu, đến khoảng đầu năm 2020 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên cãi nhau do ông ghen tuông nên có lời nói xúc phạm bà L nhưng ông không có chứng cứ chứng minh bà L quen người đàn ông khác. Nay bà L yêu cầu ly hôn thì ông không đồng ý ly hôn vì còn thương vợ con.

Về con chung: Bà Phạm Thị Ngọc L và ông Lê Văn C đều khai có một con chung tên là Lê Tiến Đ, sinh ngày 06/10/2015; bà L yêu cầu là người trực tiếp nuôi con chung tên là Lê Tiến Đ và không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con, ông C cũng yêu cầu là người trực tiếp nuôi con chung tên là Lê Tiến Đ và không yêu cầu bà L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà Phạm Thị Ngọc L và ông Lê Văn C đều khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng với quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; nguyên đơn bà Phạm Thị Ngọc L thực hiện đúng quy định tại Điều 70 và Điều 71 của Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn ông Lê Văn C thực hiện đúng quy định tại Điều 70 và Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung giải quyết vụ án: Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; đề nghị Hội đồng xét xử:

- Chấp nhận yêu cầu của bà Phạm Thị Ngọc L về việc ly hôn với ông Lê Văn C.

- Về con chung: Giao cho bà Phạm Thị Ngọc L là người trực tiếp nuôi con chung tên Lê Tiến Đ, sinh ngày 06/10/2015. Ghi nhận việc bà Phạm Thị Ngọc L không yêu cầu ông Lê Văn C cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà Phạm Thị Ngọc L và ông Lê Văn C đều khai không có nên Tòa án không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bà Phạm Thị Ngọc L khởi kiện ông Lê Văn C. Hiện nay, ông Lê Văn C, sinh năm 1987; cư trú tại: Ấp S, xã S, huyện G, tỉnh Bến Tre nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ngày 09/12/2013, Ủy ban nhân dân xã H, huyện G, tỉnh Bến Tre cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn cho bà Phạm Thị Ngọc L và ông Lê Văn C nên quan hệ hôn nhân giữa bà Phạm Thị Ngọc L và ông Lê Văn C là hợp pháp. Quá trình vợ chồng sống chung hạnh phúc thời gian đầu đến

đầu năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn do hai bên bất đồng quan điểm sống nên dẫn đến mâu thuẫn, mất lòng tin với nhau; vợ chồng thường xuyên cãi nhau do ông C hay ghen nên có lời nói xúc phạm bà L; bà L nhiều lần khuyên nhưng ông C không thay đổi; do đó, ông C đã vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014: “Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình”. Bà L xác định tình cảm vợ chồng không còn với ông C và không muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng nên không còn khả năng đoàn tụ. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa bà L và ông C đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Xét yêu cầu ly hôn của bà L có căn cứ và phù hợp theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên có cơ sở chấp nhận.

[3] Về việc nuôi con: Bà Phạm Thị Ngọc L và ông Lê Văn C đều khai có một con chung tên là Lê Tiến Đ, sinh ngày 06/10/2015; bà L và ông C yêu cầu là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đạt. Tuy nhiên, việc giao con cho ai nuôi dưỡng cần phải xem xét mọi mặt và quyền lợi của con chưa thành niên. Tại phiên tòa, ông C cho rằng nghề nghiệp của ông hiện nay là công nhân, đi làm theo ca giờ làm không ổn định nên việc đưa rước con đi học nhờ ông bà nội của cháu Đ; bà L cho rằng nghề nghiệp của bà hiện nay là làm tóc tại nhà nên bà chủ động được thời gian đưa rước con đi học. Xét yêu cầu được nuôi con của bà L là phù hợp vì ông C thừa nhận cháu Đ hiện nay đang sống với bà L và bà L chăm sóc con tốt. Căn cứ vào Điều 58 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử xét thấy có cơ sở chấp nhận để bà L là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Phạm Thị Ngọc L không yêu cầu ông Lê Văn C cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét đóng góp chi phí nuôi con đối với ông C.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Bà Phạm Thị Ngọc L và ông Lê Văn C khai không có nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch: Căn cứ vào Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án thì bà Phạm Thị Ngọc L phải chịu là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng.

[7] Tại phiên tòa, đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 51, 56, 57 và Điều 58 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Ngọc L đối với ông Lê Văn C. Bà Phạm Thị Ngọc L được ly hôn với ông Lê Văn C.

2. Về việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con: Giao cho bà Phạm Thị Ngọc L là người trực tiếp nuôi con chung tên Lê Tiến Đ, sinh ngày 06/10/2015. Ghi nhận việc bà Phạm Thị Ngọc L không yêu cầu ông Lê Văn C cấp dưỡng nuôi con. Ông Lê Văn C là người không trực tiếp nuôi con được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung sau này, một hoặc cả hai bên có quyền làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết việc thay đổi nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con. Trong trường hợp có căn cứ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì trên cơ sở lợi ích của con, cá nhân, cơ quan, tổ chức sau có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con: Người thân thích; Cơ quan quản lý nhà nước về gia đình; Cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em; Hội liên hiệp phụ nữ.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Bà Phạm Thị Ngọc L và ông Lê Văn C khai không có nên Tòa án không xem xét giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch: Bà Phạm Thị Ngọc L phải nộp là 300.000 (*ba trăm nghìn*) đồng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (*ba trăm nghìn*) đồng theo biên lai thu số 0011502 ngày 06 tháng 5 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

5. Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND H. Giồng Trôm, T. Bến Tre;
- Chi cục THADS H. Giồng Trôm, T. Bến Tre;
- TAND tỉnh Bến Tre (P. KTNV&THA);
- UBND xã H, huyện G, T. Bến Tre;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Lê Kim Trường Sơn